

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG  
BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 07/CV/2020

Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2020

V/v: “Giải trình chênh lệch LNST 6  
tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm  
ngoái”

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương (Mã CK: BCE) giải trình về việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	BCTCSX BÁN NIÊN 2020(1)	BCTCSX BÁN NIÊN 2019 (2)	CHÊNH LỆCH	
				VND (= (1) –(2))	% (= (1)-(2)/2)
1	Doanh thu thuần	125.862.696.656	171.492.708.784	-45.630.012.128	-36%
2	Giá vốn hàng bán	112.945.785.034	159.453.760.631	-46.507.975.597	-29,17%
3	Lợi nhuận trước thuế	7.366.923.476	6.537.656.432	829.267.044	12,68%
4	Lợi nhuận sau thuế	5.871.656.860	5.250.083.985	621.572.875	11,84%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	162	145	17	

Doanh thu 6 tháng đầu năm 2020 giảm **45.630.012.128 đồng** so với cùng kỳ năm ngoái, nhưng lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2020 tăng **621.572.875 đồng** là do hoàn nhập chi phí dự phòng bảo hành của các công trình: Nhà xưởng Phú Đình; Hàng rào Nhà xưởng BW; Nhà ở an sinh xã hội VSIP.

Ngoài ra, lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2020 trong Báo cáo tài chính soát xét (BCTCSX) bán niên so với lợi nhuận sau thuế lũy kế từ đầu năm trong Báo cáo tài chính (BCTC) quý 2 năm 2020 cũng có sự chênh lệch như sau:

STT	CHỈ TIÊU	BCTC SX BÁN NIÊN 2020(1)	LNST LŨY KẾ TRONG BCTC QUÝ 2 NĂM 2020 (2)	CHÊNH LỆCH	
				VND (= (1) –(2))	% (= (1)-(2)/2)
1	Doanh thu thuần	125.862.696.656	125.862.696.656	0	0%
2	Giá vốn hàng bán	112.945.785.034	112.945.785.034	0	0,00%
3	Chi phí tài chính	3.224.921.349	2.525.019.304	699.902.045	27,72%
4	Lợi nhuận trước thuế	7.366.923.476	8.066.825.521	-699.902.045	-8,68%
5	Lợi nhuận sau thuế	5.871.656.860	6.440.104.489	-568.447.629	-8,83%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	162	179	17	



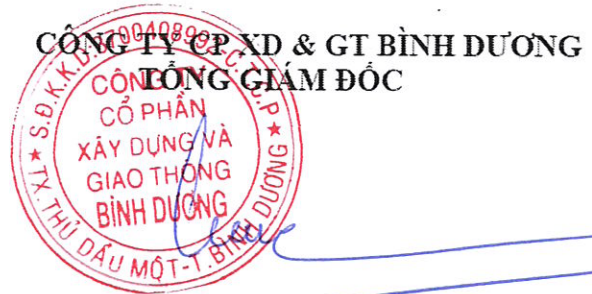
TTTCTPK-20080016

Số liệu lợi nhuận sau thuế trong BCTCSX bán niên giảm **568.447.629 đồng** so với lợi nhuận sau thuế lũy kế từ đầu năm trong BCTC quý 2 năm 2020. Nguyên nhân là do trích bổ sung chi phí lãi vay dẫn đến lợi nhuận giảm.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu



*Nguyễn Văn Thanh Huy*



TTTCTPK-20080016

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH**  
**KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG**  
**BÌNH DƯƠNG**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo soát xét Thông tin Tài chính giữa niên độ</b>	<b>5</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	<b>6 - 9</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>10</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>11 - 12</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>13 - 31</b>
<b>8. Phụ lục</b>	<b>32 - 36</b>

\*\*\*\*\*



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700408992, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 02 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 07 tháng 5 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Ngày 28 tháng 6 năm 2010, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là DCE.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (84 – 274) 2220 888
- Fax : (84 – 274) 2220 886

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Xây dựng công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Thi công điện dân dụng và điện công nghiệp;
- San lấp mặt bằng;
- Sản xuất, lắp đặt cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng (trừ hoạt động bãi cát);
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp;
- Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng, kinh doanh bất động sản;
- Môi giới, đấu giá và tư vấn bất động sản;
- Quảng cáo bất động sản; Quản lý bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng, thiết kế quy hoạch chi tiết, thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, thiết kế công trình giao thông (cầu đường bộ), thiết kế công trình điện trung hạ thế và biến áp từ 35KV trở xuống, thiết kế hệ thống điện chiếu sáng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp;
- Lập dự án đầu tư; Đầu tư tài chính;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Trang trí nội ngoại thất (trừ thiết kế).

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Quảng Văn Viết Cương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 02 năm 2019
Bà Lê Thị Diệu Thanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Hoàn Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Thanh Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG**

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Bà Phạm Việt Yên	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Bà Huỳnh Thị Quế Anh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Kim Tiên	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2017
	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2020
	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Thanh Huy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2020
Ông Lý Tấn Trí	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2020
Ông Lê Văn Cọp	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2020
Ông Bùi Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2020

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Kim Tiên	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2017
	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Thanh Huy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2020

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.





**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng

**Chủ tịch**

Ngày 14 tháng 8 năm 2020



Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: I5-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.1237/20/TC-AC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2020, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**



**Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>649.376.925.504</b>	<b>747.884.495.875</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>19.667.103.973</b>	<b>50.801.729.827</b>
1. Tiền	111		18.667.103.973	29.801.729.827
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	21.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>494.546.777.582</b>	<b>565.932.041.797</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	452.735.308.374	524.060.974.511
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	40.777.308.719	40.783.134.263
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	1.034.160.489	1.087.933.023
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>133.426.689.065</b>	<b>130.715.514.079</b>
1. Hàng tồn kho	141		133.426.689.065	130.715.514.079
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.736.354.884</b>	<b>435.210.172</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	219.441.121	435.210.172
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	1.516.913.763	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>191.612.682.224</b>	<b>108.214.806.003</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>149.531.669.135</b>	<b>65.900.863.978</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	149.218.829.135	65.588.023.978
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	312.840.000	312.840.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>38.366.353.707</b>	<b>36.715.420.948</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	21.922.980.909	20.200.926.256
- Nguyên giá	222		65.109.841.131	62.614.315.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.186.860.222)	(42.413.388.766)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	16.443.372.798	16.514.494.692
- Nguyên giá	228		18.054.905.797	18.054.905.797
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.611.532.999)	(1.540.411.105)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>267.750.000</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		267.750.000	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	<b>2.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	2.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.446.909.382</b>	<b>3.598.521.077</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	3.446.909.382	3.598.521.077
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>840.989.607.728</b>	<b>856.099.301.878</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>510.548.521.040</b>	<b>489.211.463.749</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>510.548.521.040</b>	<b>489.211.463.749</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	126.334.020.852	311.508.443.632
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	85.625.903.149	82.542.309.715
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	6.481.518.446	11.780.877.892
4. Phải trả người lao động	314	V.12	1.279.193.250	1.710.735.624
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	90.999.289.243	27.043.902.519
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	37.752.974.140	1.753.101.540
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	150.000.000.000	47.894.794.557
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.16	6.548.827.792	2.952.946.403
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	5.526.794.168	2.024.351.867
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

C.T.P.Đ.  
HẠN  
VĂN  
HỮU MINH



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

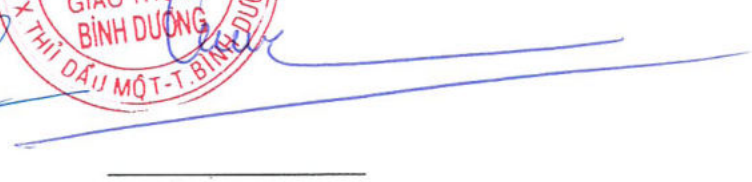
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>330.441.086.688</b>	<b>366.887.838.129</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>330.441.086.688</b>	<b>366.887.838.129</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	20.043.042.684	20.043.042.684
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	10.398.044.004	46.844.795.445
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.526.387.144	46.844.795.445
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5.871.656.860	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>840.989.607.728</b>	<b>856.099.301.878</b>

Bình Dương, ngày 10 tháng 8 năm 2020



  
**Lương Thị Quỳnh Hoa**  
 Người lập biểu

  
**Hồ Minh Diễm Thúy**  
 Kế toán trưởng

  
**Nguyễn Văn Thanh Huy**  
 Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	125.862.696.656	171.492.708.784
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		125.862.696.656	171.492.708.784
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	112.945.785.034	159.453.760.631
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.916.911.622	12.038.948.153
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	716.669.836	773.216.226
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.224.921.349	2.228.854.391
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.224.921.349	2.228.854.391
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.304.690.170	5.080.049.233
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.103.969.939	5.503.260.755
11. Thu nhập khác	31	VI.6	3.306.854.376	1.034.601.478
12. Chi phí khác	32	VI.7	43.900.839	205.801
13. Lợi nhuận khác	40		3.262.953.537	1.034.395.677
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.366.923.476	6.537.656.432
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	1.495.266.616	1.287.572.447
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>5.871.656.860</u>	<u>5.250.083.985</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>162</u>	<u>145</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>162</u>	<u>145</u>



Bình Dương, ngày 10 tháng 8 năm 2020

  
Lương Thị Quỳnh Hoa  
Người lập biểu

  
Hồ Minh Diễm Thúy  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Thanh Huy  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.366.923.476	6.537.656.432
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7, V.8	844.593.350	729.373.405
- Các khoản dự phòng	03	V.16	3.595.881.389	(321.902.279)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(681.715.069)	(731.643.835)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3.224.921.349	2.228.854.391
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.350.604.495	8.442.338.114
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(13.762.454.705)	215.082.626.538
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.711.174.986)	(27.375.803.403)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(121.157.461.020)	(133.214.149.796)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		367.380.746	(24.941.662)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.13, VI.4, VII	(2.798.837.072)	(2.228.854.391)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11	(4.630.361.715)	(5.202.299.827)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17, V.18	(2.815.966.000)	(3.984.510.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(133.158.270.257)</b>	<b>51.494.405.573</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.763.276.109)	(1.224.940.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.200.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	481.715.069	731.643.835
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(81.561.040)</b>	<b>(493.296.165)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương


## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.15	187.353.361.055	42.720.987.530
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15	(85.248.155.612)	(52.384.644.659)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.14, V.18	-	(29.176.444.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		102.105.205.443	(38.840.101.179)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(31.134.625.854)	12.161.008.229
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	50.801.729.827	44.315.084.696
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	19.667.103.973	56.476.092.925

Bình Dương, ngày 10 tháng 8 năm 2020

  
Lương Thị Quỳnh Hoa  
Người lập biểu

  
Hồ Minh Diễm Thúy  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Thanh Huy  
Tổng Giám đốc



498  
GT  
M HƯ  
VÀ T  
C  
HỒ



# **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và kinh doanh thương mại.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các loại nhà ở; Xây dựng công trình giao thông; San lấp mặt bằng; Thi công điện dân dụng và điện công nghiệp; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư và khu công nghiệp.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng. Đối với các hoạt động kinh doanh của các dự án kinh doanh bất động sản chu kỳ sản xuất kinh doanh theo thời gian quy định tại phương án kinh doanh.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Doanh thu kỳ này của Công ty chủ yếu từ hoạt động bàn giao bất động sản dự án Richtown.

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 171 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 163 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

## 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:
  - Xây dựng dự án bất động sản: bao gồm chi phí xây dựng, lãi vay và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
  - Sản xuất sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 12 tháng.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### ***Tiền thuê đất***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

### **7. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### **8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	04 – 05

### **9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra để có quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất của Công ty được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (49 năm).

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 05 năm.

### **10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **11. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ có dự phòng bảo hành công trình xây dựng. Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành từ 01% đến 05% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

### **12. Vốn chủ sở hữu**

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác là quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

#### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

##### *Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền*

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### 16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu hàng bán trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

### 17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.685.486.534	1.039.394.728
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.981.617.439	28.762.335.099
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	1.000.000.000	21.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>19.667.103.973</b>	<b>50.801.729.827</b>

#### 2. Phải thu của khách hàng

##### 2a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>47.048.984.223</b>	<b>63.147.753.323</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	39.354.028.705	39.354.028.705
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW	270	15.461.297.726
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	4.137.562.453	4.137.562.453
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	1.260.196.000	1.260.196.000
Công ty Cổ phần Setia Becamex	907.979.863	1.386.447.507
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	711.552.000	870.556.000
Công ty TNHH Becamex Tokyu	677.664.932	677.664.932
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>405.686.324.151</b>	<b>460.913.221.188</b>
<b>Cộng</b>	<b>452.735.308.374</b>	<b>524.060.974.511</b>

##### 2b. Phải thu dài hạn của khách hàng

Phải thu dài hạn các khách hàng mua bất động sản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	<i>39.147.600.000</i>	<i>39.147.600.000</i>
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex – Bình Phước	39.147.600.000	39.147.600.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>1.629.708.719</i>	<i>1.635.534.263</i>
Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Bình Dương	50.000.000	50.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.579.708.719	1.585.534.263
<b>Cộng</b>	<b>40.777.308.719</b>	<b>40.783.134.263</b>

**4. Phải thu khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước chuyển nhượng bất động sản	799.888.879	-	799.888.879	-
Tạm ứng	99.437.450	-	146.609.234	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	134.834.160	-	141.434.910	-
<b>Cộng</b>	<b>1.034.160.489</b>	<b>-</b>	<b>1.087.933.023</b>	<b>-</b>

**4b. Phải thu dài hạn khác**

Phải thu về khoản ký quỹ tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP về việc thi công giai đoạn 1 Thành phố mới Bình Dương.

**5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	196.130.185	-	196.130.185	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang xây dựng	45.318.296.458	-	48.111.533.486	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh bất động sản	87.912.262.422	-	82.407.850.408	-
<b>Cộng</b>	<b>133.426.689.065</b>	<b>-</b>	<b>130.715.514.079</b>	<b>-</b>

**6. Chi phí trả trước****6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	218.747.178	430.223.808
Công cụ, dụng cụ	693.943	4.986.364
<b>Cộng</b>	<b>219.441.121</b>	<b>435.210.172</b>

**6b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí môi giới	-	101.776.859
Tiền thuê đất	3.446.909.382	3.496.744.218
<b>Cộng</b>	<b>3.446.909.382</b>	<b>3.598.521.077</b>

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Thông tin về biến động của tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****8. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Chương trình phần mềm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	17.843.273.797	211.632.000	18.054.905.797
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>17.843.273.797</b>	<b>211.632.000</b>	<b>18.054.905.797</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	61.632.000	61.632.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	1.356.279.105	184.132.000	1.540.411.105
Khấu hao trong kỳ	56.121.894	15.000.000	71.121.894
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.412.400.999</b>	<b>199.132.000</b>	<b>1.611.532.999</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	16.486.994.692	27.500.000	16.514.494.692
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>16.430.872.798</b>	<b>12.500.000</b>	<b>16.443.372.798</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.15).

**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>119.803.742.555</b>	<b>283.008.823.735</b>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	117.263.574.820	277.285.604.502
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex	340.851.885	418.562.914
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	2.199.315.850	5.304.656.319
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>6.530.278.297</b>	<b>28.499.619.897</b>
<b>Cộng</b>	<b>126.334.020.852</b>	<b>311.508.443.632</b>

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có khoản nợ phải trả quá hạn chưa thanh toán cho Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (là bên liên quan) (số đầu năm là 271.708.500.000 VND).

**10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH Nội thất Gỗ Phú Đình – Ứng trước tiền thi công công trình	15.190.315.496	1.668.847.346
Các khoản trả trước về tiền chuyển nhượng bất động sản	70.435.587.653	80.873.462.369
<b>Cộng</b>	<b>85.625.903.149</b>	<b>82.542.309.715</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.065.686.376	-	7.467.062.533	(11.157.408.722)	6.375.340.187	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.618.181.336	-	1.495.266.616	(4.630.361.715)	-	1.516.913.763
Thuế thu nhập cá nhân	97.010.180	-	134.859.973	(125.691.894)	106.178.259	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.909.839	(3.909.839)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>11.780.877.892</b>	<b>-</b>	<b>9.104.098.961</b>	<b>(15.920.372.170)</b>	<b>6.481.518.446</b>	<b>1.516.913.763</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.366.923.476	6.537.656.432
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	66.779.639	205.801
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	7.433.703.115	6.537.862.233
Thu nhập được miễn thuế	-	(100.000.000)
Thu nhập tính thuế	7.433.703.115	6.437.862.233
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh bất động sản	7.476.333.078	(670.513.012)
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh	(42.629.963)	7.108.375.245
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.495.266.616</b>	<b>1.287.572.447</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 12. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 còn phải trả.

#### 13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí công trình nhà phố thương mại khu liên hiệp Richtown	89.562.618.010	27.021.370.033
Trích trước chi phí công trình nhà xưởng BW	565.000.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	871.671.233	-
Chi phí khác	-	22.532.486
<b>Cộng</b>	<b>90.999.289.243</b>	<b>27.043.902.519</b>

#### 14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>18.655.200.000</i>	<i>-</i>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP – Cổ tức phải trả	18.655.200.000	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>19.097.774.140</i>	<i>1.753.101.540</i>
Kinh phí công đoàn	235.398.216	245.325.616
Nhận ký quỹ ngắn hạn	458.800.000	820.000.000
Cổ tức phải trả	17.829.097.040	484.297.040
Thù lao Hội đồng quản trị phải trả	371.000.000	-
Chi phí bảo hành giữ lại của nhà thầu	203.478.884	203.478.884
<b>Cộng</b>	<b>37.752.974.140</b>	<b>1.753.101.540</b>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

#### 15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được thế chấp bằng quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.8).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	47.894.794.557	84.193.527.118
Số tiền vay phát sinh	187.353.361.055	42.720.987.530
Số tiền vay đã trả	(85.248.155.612)	(52.384.644.659)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>74.529.869.989</b>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****16. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến khoản bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.952.946.403	3.389.357.492
Tăng do trích lập	6.548.827.792	708.693.663
Số hoàn nhập	(2.952.946.403)	(1.030.595.942)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.548.827.792</b>	<b>3.067.455.213</b>

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	2.022.454.736	5.947.408.301	(2.444.966.000)	5.524.897.037
Quỹ phúc lợi	1.897.131	-	-	1.897.131
<b>Cộng</b>	<b>2.024.351.867</b>	<b>5.947.408.301</b>	<b>(2.444.966.000)</b>	<b>5.526.794.168</b>

**18. Vốn chủ sở hữu****18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

**18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	155.472.580.000	155.472.580.000
Các cổ đông khác	144.527.420.000	144.527.420.000
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>

**18c. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**18d. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 36.000.000.000
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 5.576.408.301
• Thương Ban điều hành, quản lý	: 371.000.000
• Chi tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	: 371.000.000



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông cũng thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ VND lên 350 tỷ VND và dự kiến thực hiện trong năm 2020 – 2021.

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh bất động sản	110.861.052.161	45.082.993.257
Doanh thu xây dựng	15.001.644.495	126.409.715.527
<b>Cộng</b>	<b>125.862.696.656</b>	<b>171.492.708.784</b>

##### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP</b>		
Xây dựng công trình	(344.549.091)	(53.178.365)
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật</b>		
Xây dựng công trình	-	2.195.778.055
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW</b>		
Xây dựng công trình	10.520.852.653	110.093.242.571
<b>Công ty Cổ phần Setia Becamex</b>		
Xây dựng công trình	4.825.340.934	-

#### 2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bất động sản đã bán	94.231.894.337	38.444.602.645
Giá vốn xây dựng	18.713.890.697	121.009.157.986
<b>Cộng</b>	<b>112.945.785.034</b>	<b>159.453.760.631</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	34.954.767	41.572.391
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	481.715.069	631.643.835
Cổ tức được chia	-	100.000.000
Lãi thanh lý khoản đầu tư dài hạn khác	200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>716.669.836</b>	<b>773.216.226</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay ngân hàng.

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.731.786.728	3.642.143.301
Chi phí đồ dùng văn phòng	11.431.058	9.617.292
Chi phí khấu hao tài sản cố định	389.881.830	387.555.162
Các chi phí khác	1.171.590.554	1.040.733.478
<b>Cộng</b>	<b>6.304.690.170</b>	<b>5.080.049.233</b>

#### 6. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	2.952.946.403	1.030.595.942
Cho thuê mặt bằng	150.727.273	-
Thu nhập khác	203.180.700	4.005.536
<b>Cộng</b>	<b>3.306.854.376</b>	<b>1.034.601.478</b>

#### 7. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	40.000.000	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	3.900.839	-
Các chi phí khác	-	205.801
<b>Cộng</b>	<b>43.900.839</b>	<b>205.801</b>

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

##### 8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.871.656.860	5.250.083.985
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Thù lao Hội đồng quản trị, Ban điều hành	(998.181.666)	(892.514.277)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.873.475.194	4.357.569.707
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	30.000.000	30.000.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>162</b>	<b>145</b>

##### 8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	82.155.064.267	137.985.931.851
Chi phí nhân công	29.576.540.984	43.385.539.888
Chi phí khấu hao tài sản cố định	844.593.350	729.373.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	514.518.735	5.722.549.357
Chi phí khác	8.870.932.854	3.423.162.131
<b>Cộng</b>	<b>121.961.650.190</b>	<b>191.246.556.632</b>

#### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay vào giá trị công trình là 445.586.956 VND.

#### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	831.900.000	831.900.000
Tiền thưởng	270.000.000	405.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.101.900.000</b>	<b>1.236.900.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (tiền thân là Công ty Cổ phần Bê tông Becamex)	Công ty có liên quan trước ngày 30/01/2019
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW	Công ty liên kết của Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Công ty Cổ phần</b>		
Phí dịch vụ	91.832.459	89.149.937
Chi trả cổ tức	18.655.200.000	15.547.258.000
Thu nhập khác	200.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương</b>		
Mua bê tông	-	247.118.160
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (tiền thân là Công ty Cổ phần Bê tông Becamex)</b>		
Mua vật tư	-	4.788.269.970
<b>Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex</b>		
Mua nguyên vật liệu	2.394.932.030	672.866.320
<b>Công ty Cổ phần Công nghệ &amp; Truyền thông Việt Nam</b>		
Phí dịch vụ	28.828.551	38.673.318
Thi công hạ tầng viễn thông	1.994.755.060	211.374.503
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước</b>		
Ứng trước tiền đất	-	39.147.600.000



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2a, V.3, V.4, V.9 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: kinh doanh nhà dự án.
- Lĩnh vực xây dựng: thi công các công trình xây dựng.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.


### 2b. Thông tin về khu vực địa lý


Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.


## 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bình Dương, ngày 10 tháng 8 năm 2020

  
Lương Thị Quỳnh Hoa  
Người lập biểu

  
Hồ Minh Diễm Thúy  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Thanh Huy  
Tổng Giám đốc



0300  
CÔ  
HÁCH N  
IỂM T  
A  
BÌNH

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

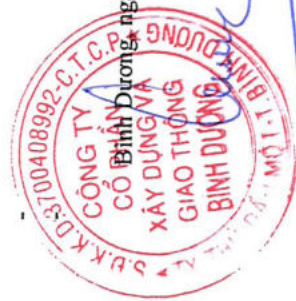
## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	23.510.762.623	19.424.332.255	17.030.928.677	2.380.152.840	268.138.627	62.614.315.022
Mua trong kỳ	-	-	2.495.526.109	-	-	2.495.526.109
Số cuối kỳ	23.510.762.623	19.424.332.255	19.526.454.786	2.380.152.840	268.138.627	65.109.841.131
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	973.846.400	17.243.752.254	17.030.928.677	1.550.938.759	268.138.627	37.067.604.717
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	5.431.206.951	17.716.960.573	17.020.208.608	1.976.874.007	268.138.627	42.413.388.766
Khấu hao trong kỳ	447.597.690	103.824.750	138.640.340	83.408.676	-	773.471.456
Số cuối kỳ	5.878.804.641	17.820.785.323	17.158.848.948	2.060.282.683	268.138.627	43.186.860.222
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	18.079.555.672	1.707.371.682	10.720.069	403.278.833	-	20.200.926.256
Số cuối kỳ	17.631.957.982	1.603.546.932	2.367.605.838	319.870.157	-	21.922.980.909
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Bình Dương, ngày 10 tháng 8 năm 2020



*Handwritten signature in blue ink.*

*Handwritten signature in blue ink.*

Lương Thị Quỳnh Hoa  
Người lập biểu

Hồ Minh Diễm Thủy  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thanh Huy  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND			
	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	7.271.654.085	38.504.681.074
Hoàn nhập lợi nhuận chưa phân phối	-	(7.271.654.085)	-
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	5.250.083.985
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	(5.737.595.055)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	(30.000.000.000)
Chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	(370.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>14.918.824.089</b>
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	-	46.844.795.445
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	5.871.656.860
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	(5.947.408.301)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong kỳ	-	-	(36.000.000.000)
Chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	(371.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>10.398.044.004</b>
			<b>330.441.086.688</b>

Bình Dương, ngày 10 tháng 8 năm 2020

**Lương Thị Quỳnh Hoa**  
**Người lập biểu**

**Hồ Minh Diễm Thúy**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Văn Thanh Huy**  
**Tổng Giám đốc**

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực xây dựng	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Kỳ này</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	110.861.052.161	15.001.644.495	-	125.862.696.656
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>110.861.052.161</b>	<b>15.001.644.495</b>	<b>-</b>	<b>125.862.696.656</b>
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>				
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	16.629.157.824	(3.712.246.202)	-	12.916.911.622
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(6.304.690.170)
Doanh thu hoạt động tài chính				6.612.221.452
Chi phí tài chính				716.669.836
Thu nhập khác				(3.224.921.349)
Chi phí khác				3.306.854.376
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(43.900.839)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>(1.495.266.616)</b>
				<b>5.871.656.860</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>2.495.526.109</b>	<b>-</b>	<b>2.495.526.109</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>996.205.045</b>	<b>-</b>	<b>996.205.045</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>3.595.881.389</b>	<b>-</b>	<b>3.595.881.389</b>





CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực xây dựng	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Kỳ trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	45.082.993.257	126.409.715.527	-	171.492.708.784
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>45.082.993.257</b>	<b>126.409.715.527</b>		<b>171.492.708.784</b>
 Kết quả kinh doanh theo bộ phận	 6.638.390.612	 5.400.557.541	 -	 12.038.948.153
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(5.080.049.233)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				6.958.898.920
Doanh thu hoạt động tài chính				773.216.226
Chi phí tài chính				(2.228.854.391)
Thu nhập khác				1.034.601.478
Chi phí khác				(205.801)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.287.572.447)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>5.250.083.985</b>
 <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	 -	 1.224.940.000	 -	 1.224.940.000
 <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	 -	 779.208.241	 -	 779.208.241
 <b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	 -	 (1.030.595.942)	 -	 (1.030.595.942)



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực xây dựng	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	681.965.015.708	136.586.572.674	-	818.551.988.382
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				22.437.619.346
<b>Tổng tài sản</b>	330.823.767.212	128.684.573.824	-	459.508.041.036
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				51.040.480.004
<b>Tổng nợ phải trả</b>				510.548.521.040
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	636.940.193.954	164.536.327.858	-	801.476.521.812
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				54.622.780.066
<b>Tổng tài sản</b>	109.563.679.748	2.975.478.889	-	112.539.158.637
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				376.672.305.112
<b>Tổng nợ phải trả</b>				489.211.463.749

Bình Dương, ngày 10 tháng 8 năm 2020



*(Signature)*

Lương Thị Quỳnh Hoa  
Người lập biểu

Hồ Minh Diễm Thúy  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thanh Huy  
Tổng Giám đốc

